TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/DS -ST
Ngày: 17/8/2018.
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - KHÁNH HÒA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hưởng
2. Bà Thái Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 123/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXX-ST ngày 13/7/2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa ngày 01/8/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần K

Địa chỉ: 40,42,44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Long.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quyết T - Nhân viên pháp chế và xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ phần K (văn bản ủy quyền số 1648/UQ-NHKL ngày18/12/2017); có mặt.

- *Bị đơn*:

+ Ông Nguyễn T

Địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Kim H

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ tạm trú: Ấp M, xã T, thành phố B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn S

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ tạm trú: Thôn 2, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện,các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K - ông Nguyễn Quyết T trình bày: Ngày 01/6/2011, Ngân hàng thương mại cổ phần K (cụ thể chi nhánh Khánh Hòa) với ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Kim H có thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số TD2704/HĐTD ngày 01/6/2011, vay số tiền 100.000.000đ; thời hạn vay là 12 tháng; ngày giải ngân là ngày 03/6/2011; lãi suất trong hạn là 2,0%/tháng; lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần, được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 0,87%/ tháng; lãi suất nợ quá hạn 150% (gấp 1,5 lần) lãi suất cho vay ngay trước thời điểm nợ quá hạn; mục đích vay là bổ sung vốn trồng nấm; hình thức thanh toán: vốn trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế. Ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Kim H có thế chấp tài sản bảo đảm là toàn bộ nhà và đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00425 do Uỷ ban nhân dân huyện D cấp ngày 09/6/1997 cho hộ ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Kim H. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bên ông T và bà H đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 25.000.000đ, sau đó ông T, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết tại hợp đồng tín dụng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và thông báo về việc thanh toán số nợ vay.

Do đó, để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thương mại cổ phần K đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện D buộc ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Kim H thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ vay 343.417.738đ (gồm gốc 75.000.000đ và 268.417.738đ nợ lãi phát sinh tạm tính ngày 22/6/2018). Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện, bên bị đơn đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 105.000.000đ (gồm gốc 75.000.000đ và lãi 30.000.000đ, cụ thể vào ngày 09/7/2018 trả 100.000.000đ và ngày 16/8/2018 trả 5.000.000đ); Ngân hàng thương mại cổ phần K đã giảm cho bị đơn số tiền phạt chậm trả lãi 42.334.344đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định hiện bị đơn ông T, bà H chỉ còn nợ số tiền lãi 198.364.382đ và yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền trên như sau: đợt 1, ông T, bà H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K 50.000.000đ, từ tháng 9/2018 đến tháng 6/2019, mỗi tháng trả 5.000.000đ; đợt 2, ông T, bà H phải thanh toán số tiền còn lại 148.364.382đ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K vào ngày 09/7/2019.

Đối với số tiền 198.364.382đ, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K không yêu cầu bị đơn ông T, bà H phải thanh toán thêm bất kỳ các khoản tiền lãi phát sinh nào theo hợp đồng tín dụng số TD 2704/HĐTD ngày 01/6/2011 cũng như số tiền lãi phát sinh do chậm thi hành án đối với số tiền nêu trên.

Nếu ông T, bà H vi phạm một trong các cam kết về việc thanh toán số tiền 198.364.382đ, nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện D kê biên, xử lý phần tài sản mà bị đơn đã thế chấp theo như hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC 1217/HĐTC ngày 03/6/2011 để thu hồi toàn bộ số nợ.

Sau khi bị đơn thanh toán xong số nợ, nguyên đơn sẽ trả lại cho hộ ông T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00425 do Uỷ ban nhân dân huyện D cấp ngày 09/6/1997 cho hộ ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Kim H.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn T trình bày: Ông T thừa nhận ông và bà Nguyễn Thị Kim H có thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng số TD 2704/HĐTD ngày 01/6/2011 để vay của Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất trong hạn là 2,0%/tháng; có thế chấp tài sản là toàn bộ nhà và đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp 00425 do Uỷ ban nhân dân huyện D cấp ngày 09/6/1997 cho hộ ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Kim H; quá trình vay ông T và bà H có trả được phần tiền nợ gốc là 25.000.000đ cho Ngân hàng. Đến ngày 09/7/2018 và ngày 16/8/2018, ông T và bà H đã trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K 105.000.000đ (gồm nợ gốc 75.000.000đ và lãi 30.000.000đ), ông T đồng ý, thống nhất về thanh toán số tiền còn lại 198.364.382đ cũng như việc xử lý tài sản thế chấp theo yêu cầu mà đại diện cho Ngân hàng thương mại cổ phần K đã đưa ra tại phiên tòa.

Theo nội dung đơn gửi cho Tòa án vào ngày 31/7/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Bà H thừa nhận bà và ông T có vay số tiền 100.000.000đ của Ngân hàng thương mại cổ phần K vào năm 2011, thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất trong hạn là 2,0%/tháng; có thế chấp tài sản là toàn bộ nhà và đất tại xã D; quá trình vay vợ chồng bà trả được phần tiền nợ gốc là 25.000.000đ cho Ngân hàng; ông T có thông báo cho bà H đã trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K 100.000.000đ gồm gốc và lãi vào ngày 09/7/2018, hiện chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền là 203.104.707đ. Bà H đồng ý trả mỗi tháng 5.000.000đ cho đến ngày 09/7/2019, bà và ông Tr sẽ thanh toán hết số tiền trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần K. Vì bận công việc và đang ở xa nên bà H đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà, bà H không có ý kiến khiếu nại gì.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn S trình bày: Ông S có biết việc cha mẹ ông (ông T, bà H) có vay 100.000.000đ của Ngân hàng thương mại cổ phần K, thời gian vay, thời hạn trả nợ vay và lãi suất vay ông S không rõ; việc vay có thế chấp tài sản là toàn bộ nhà và đất tại xã D. Ông S thống nhất như ý kiến của ông T, bà H về số tiền nợ còn lại 203.104.707đ, đề nghị cho ông T, bà H trả mỗi tháng trả 5.000.000đ cho đến ngày 09/7/2019 sẽ thanh toán hết số tiền trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần K. Do bận công việc và đang ở xa nên ông S đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, ông S không có ý kiến khiếu nại gì.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D cho rằng Hội đồng xét xử xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện và người tham gia tố tụng; việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K đối với bị đơn

ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Kim H về thanh toán số tiền nợ còn lại 198.364.382đ đã nêu tại phiên tòa; về án phí: bị đơn ông T, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn S vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà H, ông S đã có lời khai và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử nhận thấy, vào ngày 01/6/2011, ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Kim H có ký kết hợp đồng tín dụng số TD 2704/HĐTD với Ngân hàng thương mại cổ phần K để vay số tiền 100.000.000đ; thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất trong hạn là 2,0%/tháng; mục đích vay là bổ sung vốn trồng nấm; có thế chấp tài sản bảo đảm là toàn bộ nhà và đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I410717, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00425 do Uỷ ban nhân dân huyện D cấp ngày 09/6/1997 cho hộ ông, bà Nguyễn T, Nguyễn Thị Kim H tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC 1217/HĐTC ngày 03/6/2011.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K với bị đơn ông T đều xác định và thống nhất với nhau về việc thanh toán số tiền nợ còn lại 198.364.382đ cũng như việc xử lý tài sản thế chấp. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo đơn gửi cho Tòa án nhân dân huyện D, bà H cũng đồng ý trả số tiền nợ vay còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần K hạn cuối vào ngày 09/7/2019.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Kim H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền nợ còn lại 198.364.382đ, với phương thức thanh toán như sau:

+ Đợt 1: Ông T, bà H thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền 50.000.000đ, từ tháng 9/2018 đến tháng 6/2019, mỗi tháng trả 5.000.000đ.

+ Đợt 2: Ông T, bà H thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền còn lại 148.364.382đ vào ngày 09/7/2019.

Nếu ông T, bà H vi phạm một trong các cam kết về việc thanh toán số tiền nợ trên, Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện D kê biên, xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ nhà và đất thuộc thửa đất 329, tờ bản đồ số 18, diện tích 920m^2 tại xã D theo như hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC 1217/HĐTC ngày 03/6/2011 để thu hồi toàn bộ số nợ.

Sau khi ông T và bà H thanh toán xong số nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần K phải trả lại cho ông T, bà H, ông Nguyễn S Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00425 do Uỷ ban nhân dân huyện D cấp ngày 09/6/1997 cho hộ ông, bà Nguyễn T, Nguyễn Thị Kim H.

Đồng thời, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K không yêu cầu bị đơn ông T và bà H phải thanh

toán thêm bất kỳ số tiền lãi phát sinh nào theo hợp đồng tín dụng số TD 2704/HĐTD ngày 01/6/2011 cũng như số tiền lãi phát sinh do chậm thi hành án đối với số tiền 198.364.382đ.

[3].Về lệ phí thu thập tài liệu chứng cứ số tiền100.000đ mà nguyên đơn đã nộp, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần K không yêu cầu, đồng ý chịu khoản tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông T, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về số tiền thanh toán cho nguyên đơn là 198.364.382đ x 5% = 9.918.000đ. Do ông T, bà H có đơn xin giảm án phí vì hoàn cảnh gia đình khó khăn do bị thiên tai (bão số 12 năm 2017), được UBND xã D xác nhận nên giảm ½ số tiền án phí phải nộp, cụ thể: 9.918.000đ : 2 = 4.959.000đ. Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463 Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 218, Điều 228, Điều 229, Điều 271và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Kim H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền 198.364.382đ *(một trăm chín mươi tám triệu ba trăm sáu bốn nghìn ba trăm tám mươi hai đồng).*

Phương thức thanh toán số tiền trên như sau:

- Đợt 1: Ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Kim H thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền 50.000.000đ *(năm mươi triệu đồng)*, từ tháng 9/2018 đến tháng 6/2019, mỗi tháng trả 5.000.000đ *(năm triệu đồng).*

- Đợt 2: Ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Kim H thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K số tiền còn lại 148.364.382đ *(một trăm bốn mươi tám triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi hai đồng*) vào ngày 09/7/2019.

Nếu ông T, bà H vi phạm một trong các cam kết về việc thanh toán số tiền nợ trên, Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện D kê biên, xử lý tài sản thế chấp là toàn bộ nhà và đất thuộc thửa đất 329, tờ bản đồ số 18, diện tích 920m^2 tại xã D theo như hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC 1217/HĐTC ngày 03/6/2011 để thu hồi toàn bộ số nợ.

Sau khi ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Kim H thanh toán xong số nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần K phải trả lại cho ông T, bà H, ông Nguyễn S: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00425 do Uỷ ban nhân dân huyện D cấp ngày 09/6/1997 cho hộ ông, bà Nguyễn T, Nguyễn Thị Kim H.

3.Về án phí: Ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Kim H phải nộp 4.959.000đ (*bốn triệu chín năm mươi chín nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần K 9.166.000đ (*chín triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0018509 ngày 05/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D - tỉnh Khánh Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện D
- THADS huyện D
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Lệ